

Bản án số:130/2017/HSST

Ngày:21/9/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Thế Long

2. Ông Trần Đại

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Ông Lê Huy Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/9/2017 tại nhà văn hóa thôn Ấp Đồn, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 103/2017/HSST ngày 04/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn S - Sinh năm 1974

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Trần Văn D và bà Trịnh Thị N

Bị cáo có vợ là Trương Thị A, sinh năm 1975; Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại bản án số 34/2008/HSST ngày 30/6/2008 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt Trần Văn S 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo Điều 230 BLHS. Đã được xóa án tích.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2017 đến nay - Có mặt

2. Nguyễn Đình H - Sinh năm 1977

Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị S

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Có 03 con, con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án: Tại bản án số 48/2012/HSST ngày 18/4/2012 TAND huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Đình H 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng 22 ngày; Phạt bổ sung 7.000.000đ về tội: “Đánh bạc” theo Điều 248 BLHS. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung.

Tiền sự: Không

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2017 đến nay - Có mặt

Những người bị hại:

1. Anh Tổng Văn T - Sinh năm 1981 - Xin xét xử vắng mặt
2. Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1972 - Xin xét xử vắng mặt

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng cuối năm 2013, anh Tổng Văn T cùng vợ là Nguyễn Thị L đến khu vực chợ thuộc thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh mở quầy hàng bán hoa quả. Đến cuối năm 2014 thì Trần Văn S đến quầy bán hoa quả của vợ chồng anh T đe dọa, bắt vợ chồng anh T phải nộp cho S mỗi tháng 1.000.000đ tiền phí bảo kê bán hàng. Anh T hỏi thì S nói: “Chúng mày bán hàng ở đây thì phải nộp tiền”. Do là người ở nơi khác đến làm ăn, nếu không nộp tiền thì sẽ bị đuổi không cho bán hàng nên vợ chồng anh T sợ và miễn cưỡng nộp tiền cho S mỗi tháng 500.000đ. Vợ, chồng anh T đã nộp hai lần với số tiền 1.000.000đ vào cuối năm 2014.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/5/2017, S tiếp tục đi đến quầy bán hoa quả của vợ chồng anh T để thu tiền phí bảo kê bán hàng, vì đã lâu vợ chồng anh T không nộp. Khi gặp vợ chồng anh T, S nói: “Mày có phải thằng T không?”. Nghe S nói vậy thì anh T trả lời: “Có chuyện gì hả anh?”. S liền chửi: “Mẹ chúng mày, bán hàng ở đây mà không biết điều”. Sau đó S không nói gì mà đi về quán nước của S ở thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng, chị Lan đi sang quán nước của S nói chuyện. Khi gặp S chị L nói: “Anh S ơi có gì thì anh cứ bảo vợ chồng em”. Nghe chị L nói vậy S liền quát: “Tao chẳng có gì để bảo, mẹ chúng mày không cần thận bố mày bán chết”. Chị L không nói gì nữa mà đi về nhà. Đến khoảng 06 giờ ngày 10/5/2017, S đi bộ ra quầy bán hoa quả của vợ chồng anh T để thu tiền thì gặp Nguyễn Đình H đang ngồi trên xe mô tô ở đầu đường. S đã rủ H đi thu tiền phí bảo kê bán hàng, H đồng ý (vì trước đó S đã từng rủ H đi thu tiền). S và H cùng đi vào quầy bán hoa quả của vợ chồng anh T. Đến nơi, S nói: “Thế chúng mày thế nào? Lâu lắm rồi bố mày không sờ đến chúng mày”. Anh T trả lời: “Có gì anh phải bảo cho bọn em biết”. Sừ không nói gì mà đi ra ngoài, sau đó S quay mặt về phía vợ chồng anh T nói: “T đeo thêm gặp chúng mày, có gì thì gặp

thằng kia” và chỉ tay về phía H. Nói xong S và H đi về. Trước khi đến thu tiền thì S đã bảo H thu của vợ chồng anh Trọng 5.000.000đ. Đến khoảng 16 giờ ngày 10/5/2017, H đi xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 99Y2- 3055 đến quầy bán hoa quả của vợ chồng anh T, đến nơi H nói: “Chúng mày nộp năm triệu tiền phí bán hàng”. Chị L xin H cho nộp 1.000.000đ nhưng H không đồng ý và nói: “Chúng mày bán được thì bán không thì mai nghĩ”. Nói xong H đi về. Đến buổi tối cùng ngày, H tiếp tục đến quầy bán hoa quả của vợ chồng anh T, nhưng chị L chỉ có 2.000.000đ, H không đồng ý thu và lại đi về. Đến khoảng 20 giờ ngày 11/5/2017, H tiếp tục quay lại quầy bán hoa quả của vợ chồng anh T để thu tiền nhưng vợ chồng anh T chỉ có 3.000.000đ. Chị L nói: “Anh cầm tạm, đến chiều mai em đưa nốt”. Nghe chị L nói vậy H không nói gì mà bỏ đi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H tiếp tục quay lại quầy bán hoa quả của vợ chồng anh T. Đến nơi H dựng xe mô tô ở trước quầy hàng và lấy từ trong cốp xe ra 01 chiếc búa đinh bằng kim loại, chiều dài cả cán là 53cm, cán búa được quấn bằng chun màu đen mục đích để đe dọa bắt vợ chồng anh T phải nộp đủ số tiền 5.000.000đ. H đi đến vị trí quầy bán hoa quả, tay phải cầm búa tay trái chỉ thẳng vào mặt anh T nói “Thằng kia ra đây tao bảo”. Nói xong H cầm búa tiến về vị trí anh T. Thấy vậy, chị L liền hô hào người đi đường vào can ngăn và giằng được chiếc búa trên tay H. Do sợ chị L báo Công an nên H đã bỏ chạy.

Ngay sau khi xảy ra sự việc, vợ chồng anh T đã làm đơn trình báo Công an huyện Y đồng thời giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc búa mà H dùng đe dọa bắt vợ chồng anh T phải nộp tiền phí bảo kê bán hàng.

Sau khi biết vợ chồng anh T làm đơn trình báo, đến ngày 12/5/2017 Nguyễn Đình H đã đến Công an huyện Y đầu thú. Còn S bỏ trốn; Đến ngày 18/5/2017 thì S bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản cáo trạng số 100/CTr-VKS ngày 03/8/2017 của VKSND huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố hai bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 BLHS.

Kết thúc phân xét hỏi vị đại diện VKS công bố bản luận tội. Trong nội dung bản luận tội vị đại diện VKS đã phân tích tính chất, mức độ, nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của từng bị cáo. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với mỗi bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên bố hai bị cáo cùng phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, 41, 42 BLHS; Điều 76 BLTTHS. Đề nghị xử phạt: Bị cáo S từ 22 đến 24 tháng tù; Bị cáo H từ 18 đến 20 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại bị cáo H 02 điện thoại di động nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy 01 búa đinh; Về trách nhiệm dân sự đề nghị không xem xét giải quyết do người bị hại không yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của VKS truy tố đã tóm tắt ở phần trên. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố, nội dung bản luận tội của VKS đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Không có bị cáo nào tranh luận với lời luận tội của VKS. Tại lời nói sau cùng hai bị cáo đều xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Những người bị hại - Vợ chồng anh T, chị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trọng, chị Lan đề nghị Tòa án xét xử hai bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự anh, chị không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và lời khai trước đây của các bị cáo có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào cuối năm 2014, Trần Văn S đến quây bán hoa quả của vợ chồng anh Tống Văn T, chị Nguyễn Thị L ở thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đe dọa, bắt vợ chồng anh T phải nộp cho S mỗi tháng 500.000đ tiền phí bảo kê bán hàng. Do bị đe dọa và sợ không được bán hàng nên vợ chồng anh T đã miễn cưỡng nộp cho S hai lần mỗi lần 500.000đ.

Đến ngày 10/5/2017, S rủ và cùng với Nguyễn Đình H đến quây bán hoa quả của vợ chồng anh T đe dọa, bắt vợ chồng anh T phải nộp 5.000.000đ tiền phí bảo kê bán hàng. Do vợ chồng anh T không có tiền nên S và H đi về. Trước khi về S chỉ đạo H và nói cho anh T, chị L biết việc liên hệ và nộp trực tiếp tiền cho H. Sau đó, S bảo Huân một mình đến thu tiền. Từ ngày 10/5/2017 đến ngày 11/5/2017, H đã nhiều lần đến quây bán hoa quả của vợ chồng anh T đe dọa, bắt vợ chồng anh T phải nộp đủ số tiền 5.000.000đ. Sau nhiều lần đe dọa yêu cầu nhưng vợ chồng anh T chỉ có 3000.000đ nên H không đồng ý. H lấy từ trong cốp xe mô tô ra 01 chiếc búa đinh bằng kim loại chiều dài 53cm tiến về phía anh T thì bị chị L hô hào người dân đến và giằng được chiếc búa trên tay H. Bị cáo bỏ chạy nên chưa thu được tiền của vợ chồng anh T.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 BLHS.

Xét cáo trạng truy tố và nội dung luận tội của vị đại diện VKS tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Xét nguyên nhân, động cơ mục đích phạm tội của các bị cáo HĐXX nhận định: Do cần tiền chi tiêu cá nhân mà không phải lao động; Hai bị cáo là người dân bản địa, biết hai vợ chồng anh T là người dân tỉnh khác đến kinh doanh nên bị cáo S, H đã đến đe dọa buộc vợ chồng anh T phải miễn cưỡng nộp tiền cho các bị cáo.

Trong vụ án này bị cáo S đã ba lần đe dọa cưỡng đoạt tài sản của vợ chồng anh T. Hai lần vào năm 2014 do bị cáo một mình thực hiện, số tiền chiếm đoạt là 1.000.000đ; Một lần cùng với H vào ngày 10/5/2017, bị cáo là người khởi xướng, xúi giục H thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, hành vi của hai bị cáo chỉ mang tính đồng phạm gián đơn. Xác định bị cáo S có vai trò đầu vụ, bị cáo H đồng phạm thực hành giúp sức theo sự chỉ đạo của S.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng liên quan đến hai bị cáo: Tính đến ngày phạm tội bị cáo H đang có 01 tiền án: Tại bản án số 48/2012/HSST ngày 18/4/2012 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Đình H 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng 22 ngày, phạt bổ sung bị cáo 7.000.000đ về tội: “Đánh bạc”. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung. Bị cáo S ba lần thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Do vậy, bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp tái phạm; Bị cáo S phạm tội nhiều lần. Hai bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp đe dọa uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của hai bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Xét cần xử phạt mỗi bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo đã gây ra. Cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo H ra đầu thú, bị cáo S có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. HĐXX áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho mỗi bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công ăn việc làm, không có tài sản riêng. Hành vi cưỡng đoạt tài sản của hai bị cáo nhằm phục vụ bản thân. Xét nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp với pháp luật và điều kiện thực tế của các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ đen bạc, biển kiểm soát 99Y2 - 3055 mà Nguyễn Đình H sử dụng để đi thu tiền của vợ chồng anh T. Quá trình điều tra xác định chiếc xe có nguồn gốc hợp pháp do vợ bị cáo H (tên H) mua. Việc H sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội, chị H không biết. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại chiếc xe cho chị H là phù hợp quy định của pháp luật.

Vật chứng còn lại: Chiếc búa đinh bị cáo H dùng làm hung khí mục đích để đe dọa vợ chồng anh T cần tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc điện thoại Nokia 105, 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia E2312 xác định là tài sản của bị cáo H, không liên quan đến tội phạm nên trả cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Đình H cùng phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 33, 41, 42 BLHS; Điều 76, 99, 228 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt:

1. Trần Văn S 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2017.

2. Nguyễn Đình H 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2017.

Tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét do người bị hại không yêu cầu.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc búa, dạng búa đinh. Trả lại bị cáo Huân hai chiếc điện thoại di động; một chiếc mang nhãn hiệu Nokia 105, 01 điện thoại mang nhãn hiệu Sony Xperia E2312, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án, công an
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa